

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-7-2023
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;
2. Ông Lương Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Sư K, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn V, xã H, huyện V, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - anh Trần Sư K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 02/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không cùng quan điểm sống. Từ cuối năm 2020 đến nay, anh K và chị M không còn chung sống và quan tâm nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Nguyễn Nhã K, sinh ngày 22/7/2012; Trần Nguyễn Nhã Kh, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Nguyễn T, sinh ngày 27/11/2016. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị M nhưng chị đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của anh Trần Sư K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Trần Sư K có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị M; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh N. Nay, anh K xin ly hôn với chị M và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Trần Sư K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 02/11/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo anh K, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Từ cuối năm 2020 đến nay, anh K và chị M không còn chung sống và quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K cương quyết xin ly hôn, còn chị M không tham gia các phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh K, chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh K và chị M có 03 con chung tên Trần Nguyễn Nhã K, sinh ngày 22/7/2012; Trần Nguyễn Nhã Kh, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Nguyễn T, sinh ngày 27/11/2016. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con. Hiện nay, cả 03 cháu đều đang ở với ông, bà ngoại. Tại các bản tự khai ngày 31/3/2023, cháu K và cháu Kh đều có nguyện vọng ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023, ông Nguyễn Hữu C (là cha ruột của chị M) cung cấp chị M hiện đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về rồi đi làm lại, không trực tiếp nuôi dưỡng các con mà thường gọi điện về gặp con. Hơn nữa, chị M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của anh K về việc nuôi dưỡng các con chung khi ly hôn. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử cần giao các cháu K, Kh và T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, anh K không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và

Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Sư K đối với chị Nguyễn Thị M về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Sư K và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Nguyễn Nhã K, sinh ngày 22/7/2012; Trần Nguyễn Nhã Kh, sinh ngày 05/02/2014 và Trần Nguyễn T, sinh ngày 27/11/2016 cho anh Trần Sư K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Trần Sư K phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh K đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004973 ngày 20/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Nam
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND xã H, huyện V, TP. Đ
- (GCNKH số 117 ngày 02/11/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng